

Dĩ An, ngày 28 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đỗ Thị Liễu.

Thư ký phiên họp: Bà Chu Tường Vy - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 35/2025/TLST-VLĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 24/2025/QĐST-VLĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc lao động:* Bà Nguyễn Thị T sinh năm 1982; địa chỉ liên hệ: Số nhà I, đường số D, KDC Đ, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH Q; địa chỉ: Số A, đường T, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội Thành phố D; địa chỉ: Đường T, khu T, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội thành phố D: Ông Dương Văn T1, sinh năm 1988; địa chỉ: Đường T, Trung tâm hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Tại đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị T trình bày:* Từ tháng 12/2004 đến tháng 02/2010 bà T làm việc tại Công ty TNHH F (Việt Nam) ở địa chỉ Lô B, 24, 26, 28, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 37a, 37b, 39a, 39b, 41, 59, 61, 62, 63, 65, 67, 69, 79, 81, 83, 85 Khu chế xuất S - L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh và có tham gia bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm xã hội thành phố T, mã số 0204360998. Nay Bảo hiểm xã hội rà soát thì phát hiện thông tin của bà T bị trùng.

Lý do bị trùng: Vào năm 2005, bà T không biết và cũng không cho ai mượn thông tin cá nhân của bà để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Q khoảng thời gian từ tháng 6/2005 đến tháng 7/2005 và có tham gia BHXH số 9105093740, vì vậy bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 6/2005 đến tháng 7/2005.

Nay, bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị T và Công ty TNHH Q là vô hiệu. Bà T không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Về án phí yêu cầu giải quyết việc lao động thì bà T chịu.

- Ông Dương Văn T1 là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương trình bày: Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH Q cho người lao động thì Công ty TNHH Q có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982, số CCCD 040182032714 với mã số BHXH 9105093740 từ tháng 6/2005 đến tháng 7/2005 chưa nhận trợ cấp BHXH một lần. Ngoài ra, bà Nguyễn Thị T còn có sổ sổ 0204360998 tham gia BHXH từ tháng 12/2004 đến tháng 10/2008 tại Công ty TNHH F (Việt Nam). Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Nguyễn Thị T, Bảo hiểm xã hội thành phố D không lưu trữ.

Về các yêu cầu khác của bà Nguyễn Thị T, Bảo hiểm xã hội thành phố D không có ý kiến.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và người yêu cầu là bà Nguyễn Thị T đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Đối với Công ty TNHH Q đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không đưa ra ý kiến gì về vụ việc.

Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị T, Bảo hiểm xã hội thành phố D có yêu cầu giải quyết vắng mặt, Công ty TNHH Q đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp giải quyết việc lao động nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án mở phiên họp giải quyết việc lao động vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Quá trình tố tụng các đương sự thống nhất: Trong thời gian từ tháng 6/2005 đến tháng 7/2005, người lao động tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1985, số CCCD 040182032714 được Công ty TNHH Q tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số BHXH 9105093740. Quan hệ lao động giữa Công ty TNHH Q và người lao động Nguyễn Thị T phát sinh từ hợp đồng lao động tháng 6/2005. Quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị T xác định bà không cho ai mượn thông tin cá nhân của bà để làm việc tại Công ty TNHH Q trong khoảng thời gian từ 6/2005 đến tháng 7/2005. Bà T trong thời gian này đang thực tế làm việc tại Công ty TNHH F (Việt Nam). Phần trình bày của bà T phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội thể hiện trong thời gian từ 6/2005 đến tháng 7/2005, bà Nguyễn Thị T có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH Q và Công ty TNHH F (Việt Nam). Xét thấy, giao kết hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị T và Công ty TNHH Q là có tồn tại, nhưng người làm việc thực tế tại Công ty TNHH Q lại không phải bà Nguyễn Thị T, đây là hành vi

lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2006. Do đó, bà T yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị T với Công ty TNHH Q là có căn cứ theo quy định tại Điều 136, Điều 142 Bộ luật Dân sự năm 1995. Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thị T bị trùng từ 6/2005 đến tháng 7/2005. Do đó, bà T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH Q với bà Nguyễn Thị T (do người khác sử dụng thông tin của bà T để ký) bị vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[3] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị T chịu theo quy định.

[5] Ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 15, 16, 49 của Bộ luật lao động;

Căn cứ vào các Điều 149, 367, 401, 402 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị T.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị T với Công ty TNHH Q là vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0007865 ngày 03/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự,

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đỗ Thị Liêng